



Có uy tín, có tất cả

CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

Phát hành tháng 4 năm 2017

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2. BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH



CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

Tên doanh nghiệp:	CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	1600230737
Vốn điều lệ:	182.000.000.000 đồng (Một trăm tám mươi hai tỷ đồng)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	182.000.000.000 đồng (Một trăm tám mươi hai tỷ đồng)
Địa chỉ:	Số 01, đường Ngô Gia Tự, phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
Số điện thoại:	(84-296) 3 841 548
Số fax:	(84-296) 3 843 239
Website:	www.angimex.com.vn
Mã cổ phiếu:	AGM



1.1. Ngày thành lập: Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang tiền thân là Công ty Ngoại thương An Giang được thành lập vào năm 1976 theo Quyết định số 73/QĐ-76 do Ủy ban Nhân dân tỉnh An Giang cấp ngày 23/7/1976.



1.2. Thời điểm cổ phần hoá: Ngày 01/01/2008, Công ty chuyển sang Công ty Cổ phần với vốn điều lệ 58 tỷ đồng.



1.3. Thời điểm niêm yết: Ngày 14/12/2012, 18,2 triệu cổ phiếu của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang (Angimex) chính thức được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) với mã cổ phiếu là AGM.

1.4. Các sự kiện quan trọng trong năm 2016:



Tháng 01/2016

Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang (Angimex) đã khai trương Trung tâm Thương mại Dịch vụ (TM-DV) Angimex tại Khu đô thị mới TP.Châu Đốc (phường Vĩnh Mỹ)

Ngày 23/07/2016

Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang tổ chức lễ Kỷ niệm 40 năm thành lập Công ty.

Tháng 06/2016

Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang (Angimex) được Honda Việt Nam vinh danh trong Top 45 Công ty hoạt động xuất sắc năm 2015, trong tổng số 480 công ty có HEAD đang hoạt động trên cả nước.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

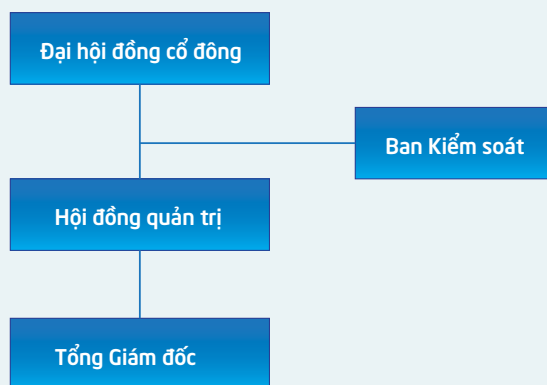
- Ngành nghề kinh doanh: Công ty tập trung phát triển hai lĩnh vực chính là kinh doanh lương thực và thương mại dịch vụ.

- Địa bàn kinh doanh: Công ty có trụ sở chính tại TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang và chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh.

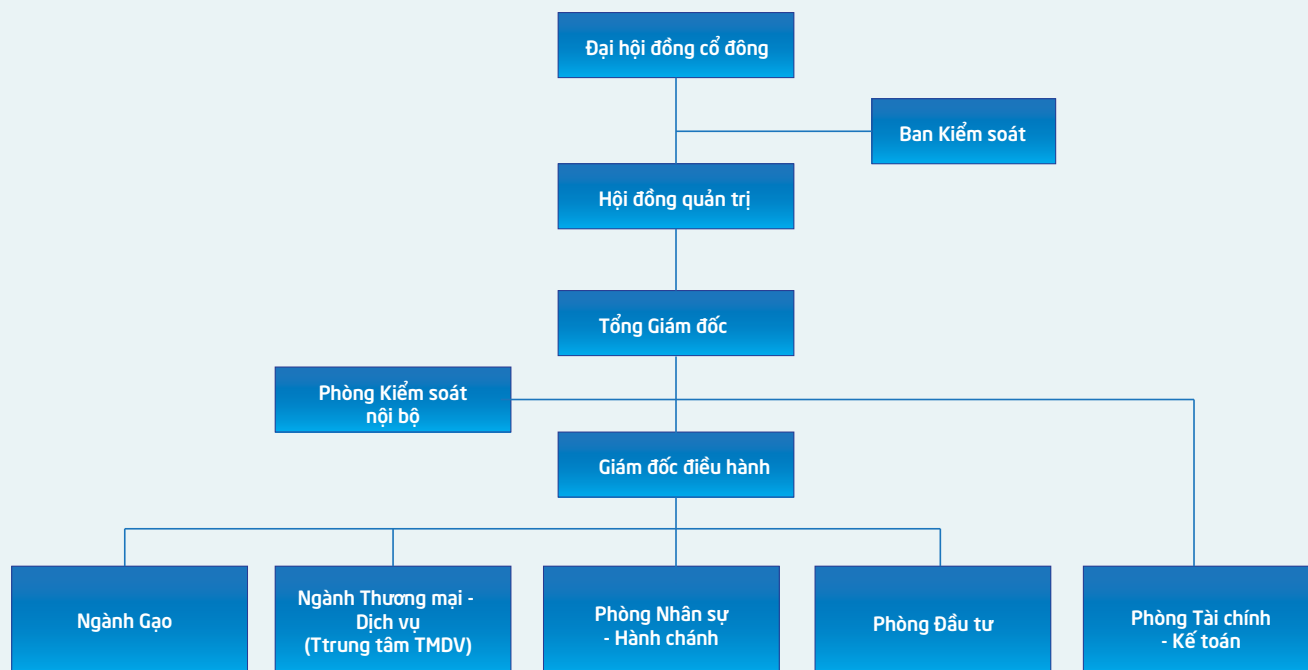
Angimex cung cấp cho thị trường trong nước các sản phẩm gạo sạch, an toàn cho sức khỏe người tiêu dùng thông qua hệ thống đại lý, cửa hàng của Angimex và mạng lưới các siêu thị, cửa hàng tiện lợi trên toàn quốc. Ngoài ra, Angimex cũng đã xuất khẩu gạo đến các thị trường như Mỹ, châu Âu, châu Phi, Châu Úc, châu Á và nhiều quốc gia khác trên thế giới.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị:



3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý



3.3. Các công ty con, công ty liên kết:

TT	Tên Công ty	Sản phẩm chính	Giá trị vốn góp của Angimex	Tỷ lệ vốn góp của Angimex
1	Công ty TNHH Angimex - Kitoku	Xuất khẩu gạo	236.000 USD	32,96%
2	Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn - An Giang	Siêu thị hàng tiêu dùng	7.500.000.000	25%

4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty trong năm 2017 như sau:

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Phương án 1	Phương án 2
Doanh thu	2.000,00	2.000,00
Lợi nhuận trước thuế	22,50	25,00

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Angimex tiếp tục tập trung phát triển ổn định, bền vững dựa trên 02 ngành hàng trụ cột là ngành kinh doanh lương thực và thương mại dịch vụ.

Ngoài ra, Angimex đã và đang nghiên cứu, phát triển các mô hình kinh doanh mới, các sản phẩm giá trị gia tăng mang lại sự phát triển bền vững cho Công ty.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững:

Angimex chú trọng việc cải tiến công nghệ, nâng cấp, đầu tư mới trang thiết bị để tăng hiệu quả sản xuất. Ngoài ra, tất cả các phân xưởng, nhà máy chế biến đều được đánh giá tác động môi trường, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến cộng đồng dân cư.

5. Các rủi ro

5.1. Rủi ro kinh tế:

Rủi ro biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty nói riêng.

5.2. Rủi ro về tốc độ tăng trưởng kinh tế:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế.

Những năm trở lại đây, nền kinh tế Việt Nam duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức khá cao so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2013 đạt 5,42%, năm 2014 đạt 5,98%, năm 2015 là 6,68% và năm 2016 là 6,21%. Đóng góp vào tốc độ tăng trưởng GDP là ngành nông nghiệp chiếm tỷ trọng khoảng 10% tốc độ tăng trưởng. Việc Việt Nam đã hoàn tất thương lượng một số hiệp định thương mại tự do quan trọng, trong đó có dự thảo TPP và Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-EU, dòng vốn FDI được kỳ vọng sẽ tiếp tục được rót vào thị trường Việt Nam.

Tăng trưởng GDP năm 2017 tiếp tục được Quốc hội đề ra ở mức cao là 6,7%, thể hiện quyết tâm của Chính phủ từng bước xây dựng nền kinh tế tăng trưởng bền vững, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của các thành phần trong nền kinh tế và tác động tích cực đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng, triển vọng kinh tế dài hạn thường có nhiều yếu tố biến động khó xác định. Khi có những biến động trong chỉ số kinh tế vĩ mô, sẽ ảnh hưởng ngay đến tốc độ đầu tư của nền kinh tế và ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

5.3. Rủi ro lạm phát

Trong quá trình phát triển kinh tế, lạm phát ở Việt Nam diễn ra với xu hướng tăng và biến động với biên độ khá lớn góp phần tạo ra những biến động bất thường của giá cả nguyên nhiên vật liệu đầu vào như giá xăng dầu, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp. Đây là một trong những chỉ số quan trọng để đánh giá sự ổn định của kinh tế vĩ mô.

CPI bình quân năm 2016 tăng 2,26% so với bình quân năm 2015 và thấp hơn so với mục tiêu CPI tăng 5% mà Chính phủ đã đề ra. Các ban ngành điều hành chính sách thực thi kiểm chế lạm phát được triển khai quyết liệt và linh hoạt ứng phó với biến động lạm phát hàng tháng trong năm. Mức lạm phát được kiểm chế theo mục tiêu điều hành tổng hòa kinh tế vĩ mô là cơ sở cho chính sách tài chính tiền tệ nới lỏng trong năm, đồng thời kỳ vọng tỷ suất chi phí lãi suất vay, lãi suất trái phiếu thấp hơn và tăng khả năng tiếp cận nguồn tài chính cần thiết tài trợ cho hoạt động mở rộng qui mô kinh doanh. Với những dấu hiệu cải thiện vĩ mô rõ rệt từ cuối năm 2015 cho đến nay cũng như các định hướng tái cấu trúc kinh tế, thoái vốn đầu tư ngoài ngành kinh doanh chính, hay việc chú trọng tăng hiệu quả đầu tư công đã mở ra triển vọng đạt được mục tiêu duy trì tăng trưởng ổn định và kiểm chế lạm phát duy trì đến hết năm 2017.

5.4. Rủi ro tỷ giá và lãi suất

Rủi ro tỷ giá: sự biến động về tỷ giá sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu xuất khẩu của Công ty. Công ty theo dõi chặt chẽ xu hướng tỷ giá và có những ứng biến kịp thời để giảm thiểu rủi ro này.

Rủi ro lãi suất: bên cạnh lạm phát, lãi suất là một chỉ số tài chính vô cùng quan trọng mà Công ty phải luôn theo dõi và cập nhật hàng ngày nhằm đưa ra các chiến lược đầu tư hợp lý. Không phải bất kỳ một doanh nghiệp nào cũng đều có một lượng vốn đủ lớn để tiến hành tổ chức sản xuất kinh doanh mà phần lớn đều phải huy động thêm từ các nguồn bên ngoài, trong đó một kênh phổ biến là thông qua vay vốn và chịu lãi suất sử dụng đồng vốn vay. Khi lãi suất tăng lên sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp

5.5. Rủi ro về cạnh tranh:

Rủi ro cạnh tranh của Công ty chủ yếu đến từ hoạt động xuất khẩu ra thị trường thế giới. Thời gian qua, do ảnh hưởng chung của nền kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn đã tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong năm 2015 và sang năm 2016, xuất khẩu gạo của Công ty cũng như các doanh nghiệp trong ngành chịu áp lực bởi lượng tồn kho ở mức cao của Thái Lan và sự biến động của thị trường Trung Quốc. Theo đó, giá cả thị trường bị cạnh tranh gay gắt với các nước xuất khẩu gạo lân cận như Thái Lan, Ấn Độ, Myanmar, Pakistan và Campuchia.

5.6. Rủi ro từ chính sách của Nhà nước:

Là công ty hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần trên lãnh thổ Việt Nam, Công ty chịu sự điều chỉnh bởi Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán. Hoạt động kinh doanh của Công ty chịu sự điều chỉnh của các Luật khác liên quan đến ngành nghề hoạt động của Công ty. Ngoài ra, Công ty cũng chịu sự tác động của các chính sách và chiến lược phát triển của ngành. Những điều chỉnh của luật và văn bản dưới luật trong giai đoạn hoàn thiện khung pháp lý và sự thay đổi về mặt chính sách sẽ tạo ra những tác động không nhỏ đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

5.7. Rủi ro về môi trường:

Kinh doanh chính về lĩnh vực nông nghiệp nên Công ty chịu ảnh hưởng rất lớn từ các yếu tố môi trường. Hoạt động biến đổi khí hậu, tác động của tình hình thời tiết sẽ làm biến động nguồn nguyên liệu đầu vào, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty.

5.8. Rủi ro khác

Bên cạnh những yếu tố rủi ro đã nêu trên, còn có các yếu tố rủi ro xảy ra do hiện tượng thiên nhiên khách quan, mang tính bất khả kháng như thiên tai (bão, lụt, hạn hán, dịch bệnh, động đất...), chiến tranh hoặc hỏa hoạn... Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây ra không ít khó khăn và ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang.



II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

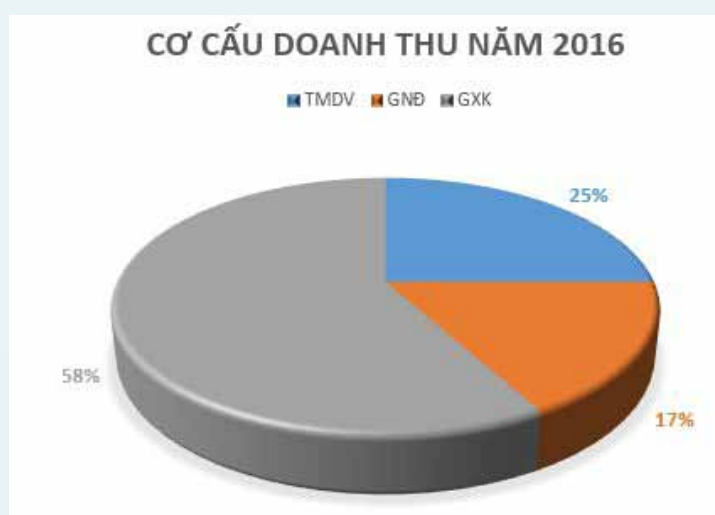
Năm 2016 là một năm khó khăn đối với ngành xuất khẩu gạo của Việt Nam nói chung và Công ty nói riêng. Sản lượng gạo sản xuất trong nước sụt giảm, áp lực giá từ việc xả hàng tồn kho của Thái Lan đã ảnh hưởng lớn đến số lượng tiêu thụ và kim ngạch xuất khẩu của Công ty.

Đối với thị trường trong nước, Angimex tiếp tục giữ vững danh hiệu “Hàng Việt Nam chất lượng cao”. Nhà máy sản xuất gạo An toàn của Công ty tiếp tục đẩy mạnh sản xuất, được đầu tư, cải tạo mở rộng nhằm tiếp tục giữ vững tốc độ tăng trưởng cho thị trường tiêu thụ nội địa.

Về mặt hàng xe máy và dịch vụ, hệ thống các Head và cửa hàng trực thuộc của Công ty tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu về thị phần trong tỉnh. Một loạt các sản phẩm dịch vụ mới ra đời nhằm tăng giá trị bền vững cho sự phát triển của ngành hàng.

Đvt: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	Thực hiện	So cùng kỳ	So KH 2016
1. Tổng doanh thu	1.901,923	91%	81%
2. Tổng lợi nhuận trước thuế	6,661	11%	27%
3. Lợi nhuận sau thuế	6,420	14%	30%



2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Ban Điều hành

Danh sách Ban Điều hành: Ban Điều hành Công ty gồm 03 người

Bà: Đinh Thị Lan Phương - Tổng Giám đốc

Sinh năm: 1971

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

* *Quá trình công tác:*

- 10/1998 - 08/2000: Planet Ware Co., Ltd;
- 09/2000 - 02/2003: Animatoon Co., Ltd;
- 03/2003 - 01/2012: Real Estate development and finance corp;
- 02/2012 - 11/2014: Sai Gon INB Company Limited;
- 12/2014 - 02/2016: Cty CP DV và XD địa ốc Đất Xanh;
- 04/2016 - nay: Tổng Giám đốc Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang.

Số cổ phần đang nắm giữ: không.

* *Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:*

- 04/2016 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Docimexco;
- 04/2016 - nay: Thành viên HĐQT Công ty CP LTTP Vĩnh Long;

Ông: Võ Thanh Bào - Giám đốc điều hành

Sinh năm: 1964

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

** Quá trình công tác:*

- 1986 - 1988: Công tác tại Sở Thương nghiệp An Giang;
- 1989 - 2005: Công tác tại Công ty Xuất nhập khẩu An Giang;
- 2006 - 12/2007: Kế toán trưởng Công ty Xuất nhập khẩu An Giang;
- 1/2008 - 12/2009: Kế toán trưởng Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang;
- 1/2010 - 11/2016: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang.
- 12/2016 - nay: Giám đốc điều hành Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang

Số cổ phần đang nắm giữ: 31.000 cổ phần, chiếm 0,17% vốn điều lệ

** Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:*

- 2007 - nay: Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Sài Gòn - An Giang (SAGICO)
- 2/10/2014 - nay: Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Angimex - Kitoku.

Ông: Huỳnh Thanh Tùng - Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính - Kế toán

Sinh năm: 1977

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán

** Quá trình công tác:*

- 10/1998 - 10/2007: Công tác tại Công ty Xuất nhập khẩu An Giang;
- 11/2007 - 12/2007: Phó Phòng Tài chính - Kế toán Công ty Xuất nhập khẩu An Giang;
- 1/2008 - 12/2009: Phó Phòng Tài chính - Kế toán Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang;
- 1/2010 - nay: Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính - Kế toán Công ty CP Xuất nhập khẩu An Giang;

Số cổ phần đang nắm giữ: 24.300 cổ phần, chiếm 0,13% vốn điều lệ.

** Các chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: không có***Những thay đổi trong Ban điều hành:**

- Ông Nguyễn Văn Tiến thôi giữ chức Tổng Giám đốc kể từ ngày 15/4/2016
- Bà Đinh Thị Lan Phương giữ chức Tổng Giám đốc kể từ ngày 15/4/2016
- Ông Võ Thanh Bào thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc, giữ chức Giám đốc điều hành kể từ ngày 30/11/2016

2.2. Số lượng cán bộ, nhân viên.

Số lượng cán bộ, nhân viên tại thời điểm 31/12/2016 là 335 người. Trong đó:

- Nữ: 61 người
- Tăng trong năm: 24 người
- Giảm trong năm: 21 người

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Phân theo trình độ	335	100%
	Đại học và trên đại học	120	26%
	Cao đẳng/Trung cấp	76	23%
	Lao động phổ thông	139	41%
2	Phân theo thời hạn hợp đồng	335	100%
	Lao động không xác định thời hạn	234	70%
	Lao động có thời hạn từ 1-3 năm	91	27%
	Lao động có thời hạn dưới 1 năm	10	0,3%

2.3. Chính sách đối với Người lao động:**2.3.1. Lương - thưởng:**

Chính sách lương: người lao động được trả lương theo hiệu quả công việc tương ứng với từng vị trí/chức danh được phân công

Chính sách thưởng: Công ty có chính sách tính thưởng cho người lao động căn cứ vào hiệu quả kinh doanh của từng đơn vị và đánh giá xếp loại KPI (hiệu quả công việc) của từng cá nhân. Ngoài ra, Công ty cũng có chính sách khen thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể có sáng kiến, cải tiến được áp dụng trong công việc, mang lại hiệu quả cho Công ty.

2.3.2. Phúc lợi - đãi ngộ:

Ngoài những chính sách, chế độ theo quy định của Pháp luật, Công ty còn áp dụng các chính sách khác đối với người lao động như:

- Trợ cấp ốm đau, tai nạn, nghỉ hậu sản, hiếu hỉ, ...

- Khen thưởng thành tích học giỏi đối với con của Người lao động và tạo điều kiện cho tham gia thực tập thực tế tại các đơn vị trong Công ty;

- Công ty luôn quan tâm đến việc đầu tư nâng cấp, cải thiện cơ sở vật chất, phương tiện, môi trường làm việc và nghỉ ngơi đối với Người lao động.

2.3.3. Đào tạo - tuyển dụng:

Công tác đào tạo: gồm đào tạo bên ngoài và nội bộ với nội dung chuyên sâu về quản lý điều hành, chuyên môn nghiệp vụ, ... Thường xuyên mở các buổi hội thảo chuyên đề có thực hành tại các phòng ban, đơn vị sản xuất, hỗ trợ một phần học phí cho người lao động tự học.

Công tác tuyển dụng thực hiện theo kế hoạch hàng năm và theo chiến lược phát triển trong từng giai đoạn. Các chỉ tiêu, tiêu chuẩn tuyển dụng được thông báo rộng rãi trên các phương tiện truyền thông đại chúng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn

ĐVT: tỷ đồng

Hạng mục	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2016	So kế hoạch
Tổng cộng	18,276	46,000	40%
1. Sửa chữa	1,328	3,000	44%
Xây dựng cơ bản:	1,255	1,000	126%
Thiết bị:	0,073	2,000	4%
2. Đầu tư mới	16,948	43,000	39%
2.1. Chi nhánh Gạo chất lượng cao	15,906	39,500	40%
Nhà máy Đa Phước:	0,306	2,000	15%
Cải tạo phân xưởng Bình Thành:	0,360	21,500	2%
Cải tạo kho Hòa An:	0,943	5,000	19%
Cải tạo mở rộng NM gạo an toàn:	14,297	11,000	130%
2.2. Chi nhánh Gạo trắng	-	1,500	
2.3. Trung tâm TM-DV	0,801	2,000	40%
3. Phát sinh ngoài kế hoạch	0,240	-	

3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

Tiêu chí	Công ty TNHH Sài Gòn- An Giang	Công ty TNHH Angimex - Kitoku
Ngành nghề kinh doanh	Kinh doanh siêu thị	Kinh doanh xuất nhập khẩu (gạo)
Vốn điều lệ	30.000.000.000 đồng	716.000 USD
Tỷ lệ vốn góp của Angimex	25%	32,96%

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

ĐVT: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	791,635	741,348	-6%
Doanh thu thuần	2.091,627	1.901,923	-9%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	46,162	0,547	-99%
Lợi nhuận khác	13,925	6,113	-56%
Lợi nhuận trước thuế	60,087	6,661	-89%
Lợi nhuận sau thuế	47,358	6,420	-86%
Lãi cơ bản trên cổ phần (đồng)	2.418	353	-85%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2015	Năm 2016
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	Lần	1,52	1,48
+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0,89	0,56
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	51,59	52,80
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	106,56	111,87
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Lần	5,09	4,54
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	2,64	2,57
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	2,26	0,34
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	12,36	1,83
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	5,98	0,87
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	2,21	0,03

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

5.1. Cổ phần:

- Tổng số lượng cổ phần: 18.200.000 cổ phần.
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
 - + Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 18.200.000 cổ phiếu
 - + Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu

5.2. Cơ cấu cổ đông:

TT	Tiêu chí	Số lượng cổ đông	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
I.	Tỷ lệ sở hữu	362	18.200.000	100%
1	Cổ đông lớn	2	14.563.700	80,02%
2	Cổ đông nhỏ	360	3.636.300	19,98%

II. Cổ đông tổ chức và cá nhân	362	18.200.000	100%
1 Tổ chức	7	15.709.140	86,31%
2 Cá nhân	355	2.490.860	13,69%
III. Cổ đông trong nước và nước ngoài	362	18.200.000	100%
1 Trong nước	353	17.052.490	93,70%
2 Nước ngoài	9	1.147.510	6,31%
IV. Cổ đông nhà nước và cổ đông khác	362	18.200.000	100%
1 Nhà nước	1	5.126.550	28,17%
2 Cổ đông khác	361	13.073.450	71,83%
Tổng cộng	362	18.200.000	100%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: không.

5.5. Các chứng khoán khác: không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Tổng lượng nguyên liệu đưa vào sản xuất: 200.000 tấn
- Tỷ lệ phần trăm nguyên liệu tái chế được sử dụng để sản xuất: 0%

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Công ty sử dụng điện lưới quốc gia và có trang bị máy phát điện dùng trong trường hợp mất điện. Tổng lượng điện tiêu thụ trong năm 2016 là 7,5 triệu kW.
- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không có
- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng, báo cáo kết quả của các sáng kiến này: không có

6.3. Tiêu thụ nước:

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: từ nguồn nước của Công ty CP điện nước An Giang
- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 0%

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không có.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

- Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động
 - Số lượng lao động đến cuối năm 2016 là 335 người;
 - Lương bình quân: 6,5 triệu đồng/người/tháng
 - Thu nhập bình quân: 9,2 triệu đồng/người/tháng
- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động
 - Công ty có tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm theo quy định cho CBNV
 - Ngoài việc trợ cấp hiếu hỉ, ốm đau, tai nạn,... theo quy định; chính sách công đoàn Công ty còn có hỗ trợ quỹ mái ấm công đoàn cho đoàn viên công đoàn (sửa chữa nhà).
 - Công ty liên tục đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, môi trường làm việc và nghỉ ngơi đối với người lao động.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Số khóa đào tạo năm 2016: 10 khóa (nội bộ và bên ngoài), là những khóa đào tạo về kỹ năng bán hàng, dịch vụ và quản lý... cho trên 300 lượt CBNV tham dự.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- Công ty chủ trương bảo vệ tốt môi trường sinh thái, hướng đến sự phát triển bền vững và có trách nhiệm với cộng đồng. Bên cạnh đó, Công ty luôn chú trọng góp phần xây dựng và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội cùng cộng đồng cư dân địa phương.

- Các nhà máy, phân xưởng sản xuất của Công ty luôn thực hiện đúng các quy định, chính sách pháp luật của cơ quan nhà nước, tổ chức đoàn thể, xã hội tại địa phương. Công ty luôn cố gắng cải tiến, đầu tư, nhằm hạn chế đến mức tối đa việc xả thải ra nguồn nước, không xả chất thải độc hại chưa xử lý ra môi trường ảnh hưởng đến sinh hoạt của cộng đồng dân cư.



**III. BÁO CÁO &
ĐÁNH GIÁ
CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC**

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Ngành Gạo xuất khẩu

Năm 2016 là một năm khó khăn về xuất khẩu gạo của Việt Nam nói chung và Công ty nói riêng.

Thương mại gạo toàn cầu trong năm 2016 theo USDA đã giảm mạnh xuống mức 39,7 triệu tấn so với mức 42,6 triệu tấn năm 2015.

Tác động của hiện tượng thời tiết khô hạn El Nino đã làm ảnh hưởng lớn đến sản xuất gạo toàn cầu. Sản lượng gạo trong năm 2016 chỉ đạt 472 triệu tấn, giảm đến 6 triệu tấn so với cùng kỳ. Tại Thái Lan, sản lượng giảm đến 3 triệu tấn trong khi đó tại Việt Nam là gần 1 triệu tấn.

Tồn kho gạo Thái Lan vào đầu năm còn hơn 10 triệu tấn đã tác động lớn đến tâm lý người mua hàng.

Xuất khẩu gạo Việt Nam thấp nhất kể từ năm 2009, chỉ đạt 4,9 triệu tấn so với mức 6,57 triệu tấn năm 2015, do khó khăn về thị trường.

Tất cả các yếu tố trên đã tác động đến việc kinh doanh xuất khẩu gạo của Công ty. Trong năm 2016, sản lượng tiêu thụ giảm chỉ bằng 71% so với cùng kỳ và chỉ đạt 65% kế hoạch năm.

Tuy nhiên, với sự nỗ lực và phấn đấu, ngành Gạo xuất khẩu cũng đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ:

- Tỷ trọng xuất khẩu trực tiếp đạt hơn 50% trên tổng lượng xuất khẩu
- Sản lượng tiêu thụ gạo chất lượng cao tăng, đạt gần 40 nghìn tấn, chiếm 38% tổng lượng xuất khẩu.

1.2. Ngành Gạo nội địa

Kết quả đạt được của ngành Gạo nội địa trong năm là rất đáng biểu dương, sản lượng tiêu thụ tăng 47%, doanh thu tăng 48% so với cùng kỳ.

Ngoài ra, hệ thống tiêu thụ gạo nội địa của Công ty hiện nay rất đa dạng về kênh bán hàng, thị trường kinh doanh đã gần như bao phủ toàn quốc.

1.3. Ngành Thương mại - Dịch vụ

Thị trường xe gắn máy tiếp tục ổn định và dẫn đi vào ngưỡng bão hòa, tuy nhiên nhu cầu về dịch vụ và phụ tùng thay thế vẫn trên đà tăng trưởng tốt.

Năm 2016 là một năm cực kỳ thành công đối với ngành Thương mại - Dịch vụ khi tiếp tục tăng trưởng mạnh về dịch vụ và kinh doanh phụ tùng.

Ngoài ra, ngành Thương mại - Dịch vụ của Công ty cũng đã đạt vị trí Top 45 Công ty xuất sắc trong tổng số hơn 450 Công ty có HEAD hoạt động trong toàn quốc.

Mặc dù vẫn chưa phát triển được hệ thống cửa hàng ngoài tỉnh trong năm qua song ngành đã có những bước chuẩn bị để tiếp tục vươn ra thị trường các tỉnh lân cận trong thời gian sắp tới.

2. Tình hình tài chính.

2.1. Tình hình tài sản

Tổng tài sản của Công ty đến cuối năm 2016 là 741,438 tỷ đồng, giảm 50,2 tỷ đồng tương ứng giảm 6,34 % so với đầu năm. Trong đó:

- Tiền, tương đương tiền và đầu tư ngắn hạn giảm 102,718 tỷ đồng, do cuối năm công ty đã giảm tiền gửi có kỳ hạn so với đầu năm.

- Phải thu giảm 42,779 tỷ đồng, chủ yếu giảm nợ phải thu khách hàng của Tổng công ty Lương thực Miền Nam do cuối năm 2016 không có hợp đồng tập trung.

- Hàng tồn kho tăng 99,984 tỷ đồng; cuối năm 2016 Công ty chuẩn bị hàng tồn kho để giao hàng trong tháng 1/2017 cho Philippines theo chương trình bán cho tư nhân được cấp quota nhập khẩu.

- Tài sản dài hạn giảm 3,868 tỷ đồng

2.2. Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả của Công ty đến cuối năm 2016 là 392,081 tỷ đồng, giảm 16,312 tỷ đồng, tương ứng giảm 4% so với đầu năm. Trong năm, Công ty đã trả trước và đúng hạn các khoản nợ phải trả.

Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn trong năm 2016 là: 1,48 lần

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Trong năm Công ty đã tiến hành điều chỉnh lại cơ cấu tổ chức như đã nêu tại Mục 3, Phần I.

Công ty tiếp tục duy trì chính sách trả lương theo hệ số công việc. Bên cạnh đó, hoạt động đào tạo cũng luôn được chú trọng nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ và tay nghề cho người lao động.

4. Kế hoạch kinh doanh 2017

4.1. Nhận định:

- Kinh tế thế giới vẫn trên đà phục hồi chậm, sức mua tiếp tục yếu.
- Kinh tế Việt Nam tăng trưởng ổn định.
- Lĩnh vực xuất khẩu gạo vẫn còn khó khăn.
- Thị trường bán lẻ được đánh giá sẽ tăng trưởng nhanh

4.2. Định hướng năm 2017

4.2.1. Ngành Lương thực

- Tiếp tục tăng tỷ trọng gạo chất lượng cao trong xuất khẩu.
- Mở rộng thị trường khách hàng doanh nghiệp trong tiêu thụ nội địa.
- Thâm nhập thị trường dùng gạo, tấm làm nguyên liệu sản xuất tại khu vực ASEAN.
- Phân phối thêm sản phẩm ngoài gạo, các sản phẩm giá trị gia tăng.
- Triển khai mô hình cửa hàng bán lẻ trực thuộc trong hệ thống siêu thị.
- Nghiên cứu, triển khai các dự án giá trị gia tăng xoay quanh hạt gạo

4.2.2. Ngành Thương mại - Dịch vụ

- Triển khai và mở rộng hệ thống cửa hàng dịch vụ và phụ tùng.
- Tìm vị trí để nghị Honda Việt Nam chấp thuận mở HEAD

4.3. Kế hoạch kinh doanh 2017

4.3.1. Phương án 1:

Đvt: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	KH 2017	TH 2016	So sánh
1. Doanh thu	2.000,000	1.901,923	105%
2. Tổng lợi nhuận trước thuế	22,500	6,661	338%
3. Lợi nhuận sau thuế	19,063	6,420	297%

4.3.2. Phương án 2:

Đvt: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	KH 2017	TH 2016	So sánh
1. Doanh thu	2.000,000	1.901,923	105%
2. Tổng lợi nhuận trước thuế	25,000	6,661	375%
3. Lợi nhuận sau thuế	21,063	6,420	328%

4.4. Kế hoạch phát triển Vùng nguyên liệu

VÙNG NGUYÊN LIỆU	KH 2017	TH 2016	So sánh
Diện tích bao tiêu (ĐVT: ha)	1.500	1.676	89%
- Lúa giống	500	504	99%
- Lúa hàng hóa	1.000	1.172	85%
Sản lượng thu mua (ĐVT: tấn)	8.700	6.488	134%
- Lúa giống	2.200	2.172	101%
- Lúa hàng hóa	6.500	4.316	151%
Sản lượng tiêu thụ lúa giống (ĐVT: tấn)	2.200	2.179	101%

4.5. Kế hoạch Đầu tư

Đvt: tỷ đồng

Hạng mục	KH 2017	TH 2016	So sánh
Tổng cộng	7,000	18,276	38%
1. Sửa chữa	-	1,328	-
Xây dựng cơ bản:	-	1,255	-

Thiết bị:	-	0,073	-
2. Đầu tư mới	7,000	16,948	41%
2.1. Chi nhánh Gạo chất lượng cao	-	15,906	-
Nhà máy Đa Phước:	-	0,306	-
Cải tạo PX. Bình Thành:	-	0,360	-
Cải tạo PX. Hòa An:	-	0,943	-
Cải tạo mở rộng NM gạo an toàn:	-	14,297	-
2.2. Chi nhánh Gạo trắng	-	-	-
2.3. Trung tâm TM-DV	7,000	0,801	874%
3. Phát sinh ngoài kế hoạch	-	0,240	-

4.6 Kế hoạch Đào tạo

ĐVT: tỷ đồng

STT	Nội dung	Số khóa	Số lượng tham dự	Chi phí dự kiến
TỔNG CỘNG		27	507	0,800
1	Đào tạo/Hội thảo nội bộ	12	327	0,100
2	Đào tạo bên ngoài	15	180	0,700

4.7. Giải pháp quản trị

- Cơ cấu tổ chức theo ngành hàng.
- Cấu trúc lại hệ thống nhà máy/phân xưởng theo hướng tách thành 02 nhóm sản phẩm chuyên biệt: (1) gạo chất lượng cao, gạo an toàn và (2) gạo trắng thông dụng.
- Định biên, điều chuyển lao động tại các đơn vị phù hợp với hoạt động kinh doanh.
- Đánh giá và trả lương theo hiệu quả công việc (KPIs).
- Soát xét, điều chỉnh, kiểm tra việc tuân thủ hệ thống quy chế, quy định, quy trình đã được ban hành.
- Tăng cường kiểm soát rủi ro; đảm bảo an toàn về hàng hóa, tiền mặt.

5. Giải trình của Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Trong xu thế phát triển, người tiêu dùng không chỉ quan tâm đến chất lượng, giá cả của sản phẩm mà còn chú trọng đến tính bền vững và trách nhiệm đối với cộng đồng của doanh nghiệp tạo ra sản phẩm đó. Do vậy, tại Angimex, yếu tố phát triển bền vững đi cùng với trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội và người lao động luôn được đặt lên vị trí hàng đầu. Angimex không ngừng nỗ lực để đạt được và duy trì hệ thống ISO 22000, HACCP. Ngoài ra, hàng năm, Công ty đều có đánh giá tác động môi trường tại các nhà máy, phân xưởng sản xuất để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn an toàn đối với môi trường, xã hội.

An Giang, ngày 04 tháng 4 năm 2017

Tổng Giám đốc

ĐINH THỊ LAN PHƯƠNG

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.

1.1. Về hoạt động kinh doanh:

ĐVT: Tỷ đồng

CHỈ TIÊU	TH 2016	So KH 2016	So năm 2015
Doanh thu	1.901,923	81%	91%
Lợi nhuận trước thuế	6,661	27%	11%

Kết quả kinh doanh năm 2016 của Công ty không hoàn thành kế hoạch do ngành Gạo xuất khẩu không đạt chỉ tiêu trong bối cảnh tình hình kinh doanh năm 2016 vẫn còn diễn biến bất lợi. Tuy nhiên, Công ty vẫn giữ được hoạt động kinh doanh ổn định, giữ được nền tảng khách hàng và tiêu thụ Gạo chất lượng cao đang có những tín hiệu tích cực với số lượng tiêu thụ tăng so với năm 2015 (tăng 16% đối với Gạo xuất khẩu và tăng 47% đối với Gạo tiêu thụ nội địa).

1.2. Về đầu tư cho sản xuất:

Quy mô đầu tư năm 2016 tập trung đầu tư cho Nhà máy sản xuất Gạo chất lượng cao (chiếm 78% tổng giá trị đầu tư) và đầu tư xây dựng Cửa hàng Thương mại - Dịch vụ Angimex - Châu Đốc (tại An Giang).

1.3. Về trách nhiệm môi trường và xã hội:

Angimex luôn tâm huyết đóng góp vào sự thịnh vượng của Công ty (cũng chính là sự thịnh vượng của xã hội), chất lượng sản phẩm và sự hài lòng của khách hàng. Công ty đã chủ động tìm kiếm mọi cơ hội để tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông, đồng thời cũng thực hiện tốt trách nhiệm đối với cộng đồng xung quanh (người lao động, người tiêu dùng, khách hàng, đối tác, dân cư nơi các đơn vị trực thuộc của Công ty đang hoạt động).

Công ty tuân thủ quy định về môi trường, áp dụng mọi biện pháp để hạn chế tối đa các hoạt động gây hại cho môi trường khi tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty.

- Ban Tổng Giám đốc Công ty đã nỗ lực thực hiện những giải pháp linh hoạt trong điều hành hoạt động Công ty phù hợp theo định hướng và mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ Công ty, thực hiện đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Công tác quản lý tài chính được quản lý tốt, bảo toàn vốn; hoạt động Công ty được duy trì ổn định; năng lực quản trị nội bộ từng bước được nâng cao, công tác quản lý chất lượng sản phẩm và xem xét giải quyết khiếu nại của khách hàng tiếp tục được chú trọng.

- Luôn đảm bảo việc công bố thông tin minh bạch và tuân thủ đúng pháp luật.

Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực, tinh thần làm việc có trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Cán bộ - Nhân viên trong mọi hoạt động của Công ty.

Năm 2017, Ban Tổng Giám đốc cần nỗ lực vượt qua khó khăn và giữ ổn định sản xuất kinh doanh, đánh giá đúng tình hình về biến động thị trường để kịp thời định hướng chung cho hoạt động của Công ty và hạn chế rủi ro.

3. Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị.

3.1. Phương án 1:

Đvt: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	KH 2017	TH 2016	So sánh
1. Doanh thu	2.000,000	1.901,923	105%
2. Tổng lợi nhuận trước thuế	22,500	6,661	338%
3. Lợi nhuận sau thuế	19,063	6,420	297%

3.2. Phương án 2:

Đvt: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	KH 2017	TH 2016	So sánh
1. Doanh thu	2.000,000	1.901,923	105%
2. Tổng lợi nhuận trước thuế	25,000	6,661	375%
3. Lợi nhuận sau thuế	21,063	6,420	328%

Xây dựng kế hoạch năm 2017 có tăng trưởng so với thực hiện năm 2016 và tiếp tục phát triển theo định hướng kinh doanh giai đoạn 2016 - 2020 đã được thông qua. Theo đó, năm 2017 tập trung chăm lo phát triển mạnh thị trường và khách hàng, kiểm soát tốt chất lượng hàng hóa, quản lý chặt chẽ rủi ro, đề cao tính tuân thủ trong mọi hoạt động nhằm đảm bảo tăng trưởng, hiệu quả và an toàn. Ban điều hành tiếp tục kiện toàn cơ cấu tổ chức, hoàn thiện mô hình kinh doanh.

Với những kết quả đạt được của Công ty trong năm 2016, xin chia sẻ những nền tảng tạo động lực tăng trưởng cho Angimex trong năm 2017:

- Thay đổi để tăng trưởng: cuối năm 2016, Hội đồng quản trị đã phê duyệt mô hình tổ chức mới của ngành Gạo theo hướng tách thành 2 nhóm sản phẩm chuyên biệt: (1) Gạo chất lượng cao (trọng tâm phát triển) và (2) Gạo trắng, nhằm phát huy nguồn lực, gia tăng hiệu quả kinh doanh. Ngành Gạo xuất khẩu đặt mục tiêu vẫn giữ lại trong năm 2017: lợi nhuận tối thiểu là hòa vốn, tập trung Gạo chất lượng cao để thâm nhập các thị trường tiềm năng châu Âu, châu Mỹ và Nhật Bản.

- Mở rộng và nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng: Ngành Thương mại - Dịch vụ tiếp tục phát triển, mở rộng các dịch vụ mới giá trị gia tăng, thực hiện dự án mở rộng mạng lưới Cửa hàng nhằm tạo sự tăng trưởng doanh thu, nâng cao chất lượng dịch vụ, duy trì các HEAD đạt loại A và thành tích nằm trong Top HEAD của Honda Việt Nam.

- Tăng thị phần: Ngành Gạo nội địa đang có nhiều cơ hội phát triển, mang lại những giá trị bền vững cho người tiêu dùng trong nước. Trong giai đoạn 2014 - 2016, lĩnh vực Gạo nội địa đạt tốc độ tăng trưởng doanh thu 48% với sự mở rộng các mô hình kinh doanh khác nhau. Ngành tiếp tục đặt mục tiêu tăng trưởng trong năm 2017, tập trung nguồn lực phát triển kênh hiện đại và hệ thống cửa hàng bán lẻ.

- Nâng cao chất lượng quản trị nội bộ, tăng cường giám sát việc thực thi trong các hoạt động của Công ty. Tiếp tục hoàn thiện các quy chế quản trị nội bộ, nâng chất công tác quản lý, điều hành của Công ty.

- Xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý giỏi về chuyên môn, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty trong từng thời kỳ.

Năm 2017 là năm thứ hai của Nhiệm kỳ Hội đồng quản trị lần thứ III (2016 - 2020), Hội đồng quản trị phấn đấu thực hiện thành công định hướng và những trọng trách được Đại hội đồng cổ đông giao phó, đưa Công ty ngày càng phát triển bền vững và mang đến lợi ích tốt nhất cho Người lao động và Cổ đông.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin trân trọng cảm ơn sự tín nhiệm, ủng hộ của quý Cổ đông và Nhà đầu tư, cảm ơn sự hợp tác tích cực của khách hàng, đối tác trong và ngoài nước. Đặc biệt, tôi chân thành cảm ơn tất cả CBNV Công ty Angimex đã cùng chung sức, chung lòng vì sự phát triển của Công ty đến ngày hôm nay và tiếp tục đến mai sau.

Trân trọng,

An Giang, ngày 04 tháng 4 năm 2017

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN VĂN TIẾN



V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.1. Hội đồng quản trị.

1.1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị.

Thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2016 và vào ngày lập báo cáo này như sau:

STT	Danh sách thành viên HĐQT	Tỷ lệ sở hữu CP		Thành viên HĐQT		Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác
		Cổ phần đại diện	Cổ phần cá nhân	Độc lập	Không điều hành	
1	Nguyễn Văn Tiến Chủ tịch	11,17%	0,56%		x	2
2	Chu Thị Phương Anh Thành viên	17%	0%		x	1
3	Cao Minh Lãm Thành viên	0%	0,46%		x	2
4	Đinh Thị Lan Phương Thành viên kiêm TGD	0%	0%			2
5	Nguyễn Thanh Sử Thành viên	0%	0%		x	4
6	Huỳnh Văn Thôn Phó Chủ tịch	0%	0%			
7	Nguyễn Văn Kim Thành viên	0%	0%	Không còn là thành viên HĐQT kể từ ngày hết nhiệm kỳ (ngày 8/4/2016)		
8	Đoàn Minh Thư Thành viên	0%	0%			
9	Trần Vũ Ngọc Tường Thành viên	0%	0%			

1.1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: chưa thành lập tiểu ban.

1.1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Hội đồng quản trị thực hiện việc kiểm soát, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế quản trị và Luật doanh nghiệp. Mọi quyết định của Hội đồng quản trị đều được xem xét cẩn trọng, đảm bảo tính khách quan, minh bạch, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.

- Việc giám sát hoạt động quản lý kinh doanh, tài chính, đầu tư của Tổng Giám đốc và Ban điều hành được thực hiện thông qua các cuộc họp định kỳ hàng quý của Hội đồng quản trị với Ban điều hành, hoặc Chủ tịch cùng một số Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp tham gia các cuộc họp giao ban hàng tháng của Ban điều hành.

- Hội đồng quản trị đã tổ chức 9 phiên họp định kỳ và bất thường trong năm với sự tham gia đầy đủ của các thành viên để xem xét, đánh giá, hoạch định hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư.

(Chi tiết các vấn đề được thông qua trong các cuộc họp đã được liệt kê trong Báo cáo tình hình quản trị Công ty)

- Thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định, công khai và minh bạch.

1.1.3.1. Những việc làm được:

- Hoàn tất việc chi trả cổ tức năm 2015 cho cổ đông.
- Hoàn tất việc đầu tư cải tạo mở rộng Nhà máy Gạo an toàn, là một trong những Nhà máy chủ đạo đáp ứng đủ điều kiện sản xuất, chế biến, đóng gói, xếp hàng container Gạo chất lượng cao xuất khẩu và Gạo tiêu dùng nội địa.

- Tái cấu trúc cơ cấu tổ chức Công ty, chủ yếu là tái cơ cấu ngành Gạo.
- Thành lập 2 Cửa hàng Gạo Angimex: Cửa hàng Gạo Angimex Thọại Sơn và Cửa hàng Gạo Angimex Châu Đốc.

- Hoàn tất xét duyệt sửa đổi Quy chế thực hiện dân chủ.

1.1.3.2. Những việc chưa làm được:

- Việc xúc tiến tìm tư vấn phối hợp cùng Công ty để xây dựng chiến lược chưa thực hiện.
- Việc sửa đổi Điều lệ Công ty phù hợp theo Luật doanh nghiệp 2014 đang chờ tham khảo Điều lệ mẫu ban hành.
- Việc sửa đổi các Quy chế quản trị nội bộ chưa thực hiện do Điều lệ chưa sửa đổi. Riêng Quy chế Điều hành và hoạt động Công ty theo cơ cấu tổ chức mới, Tổng Giám đốc đã dự thảo xong đang trình Hội đồng quản trị xét duyệt.

1.2. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát.**1.2.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích năm 2016.**

Từ tháng 1 - tháng 3 / 2016 Nhiệm kỳ lần II (2011 - 2015)		Từ tháng 4 - tháng 12 / 2016 Nhiệm kỳ lần III (2016 - 2020)	
Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký	Thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 24/4/2015: Tổng cộng 82 triệu đồng/tháng (không bao gồm thù lao của Chủ tịch HĐQT không nhận)	1. Hội đồng quản trị không nhận thù lao năm 2016 do không hoàn thành kế hoạch lợi nhuận năm 2016. 2. Ban Kiểm soát nhận thù lao năm 2016 theo tỷ lệ 30% tổng thù lao được duyệt (tương ứng tỷ lệ lợi nhuận thực hiện/lợi nhuận kế hoạch). 3. Thù lao của Thư ký năm 2016 được nhận đầy đủ vì chỉ làm công việc hành chính, không ảnh hưởng đến các quyết định của Hội đồng quản trị	

1.2.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số CP sở hữu đầu kỳ		Số CP sở hữu cuối kỳ		Lý do Tăng/giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Cổ đông lớn: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim	Công ty mẹ	9.150.650	50,3%	9.437.150	51,8%	Mua cổ phiếu

1.2.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với Cổ đông nội bộ:

Công ty có các giao dịch với các tổ chức có liên quan với cổ đông nội bộ như sau:

Năm 2016 (tỷ đồng)	
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn - An Giang (SAGICO)	
- Nhận chia cổ tức	4,564
- Bán sản phẩm (gạo, tấm)	0,138
Công ty TNHH Angimex - Kitoku	
- Bán sản phẩm (gạo, tấm ...)	7,685
- Bán sản phẩm (Angimex cho Kitoku thuê kho)	0,642
- Mua sản phẩm (gạo, tấm ...)	
- Nhận chia cổ tức	1,189

1.2.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty đã tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan đến quản trị Công ty nói chung cũng như các quy chế quản trị Công ty nói riêng, minh bạch trong hoạt động và thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, còn những vấn đề sau đây Công ty đang còn xem xét để thực hiện:

- Sửa đổi Điều lệ phù hợp theo Luật doanh nghiệp 2014: Công ty sẽ thực hiện khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Điều lệ mẫu tham khảo.
- Nhiệm kỳ 2016 - 2020, trong cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị, chưa có thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

A photograph of a business meeting. In the foreground, a person's hand is held open, palm up, over a desk. On the desk, there are several documents, including one with a pie chart and another with a bar chart. In the background, another person in a suit is visible, holding a pen over a document. The overall scene is brightly lit, suggesting an office environment.

2. BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát (BKS) được quy định theo Luật doanh nghiệp ban hành ngày 26/11/2014, theo Điều lệ Công ty sửa đổi lần thứ 5 ban hành ngày 11/04/2014, theo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát ban hành năm 2012 và các quy định có liên quan;

Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn, Ban kiểm soát xin báo cáo đến quý cổ đông kết quả hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2016 như sau:

Sau Đại hội đồng cổ đông thường niên, từ ngày 08/04/2016 (Nhiệm kỳ 2016-2020), Ban kiểm soát, có cơ cấu như sau:

2.1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát năm 2016:

- Ông Trần Hữu Hiệp : Trưởng ban Kiểm soát
- Bà Đỗ Ngọc Yến : Thành viên
- Ông Võ Văn Ngọc : Thành viên

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2016:

- Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành trong việc quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh Công ty. Kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý thông qua các hoạt động kinh doanh trong năm 2016 theo các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

- Kiểm tra tính hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và cả năm 2016 của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và thẩm định các báo cáo trình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

- Ban kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị theo thư mời. Kiểm tra, giám sát việc ban hành và thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và Ban điều hành.

- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro của công ty

- Định kỳ trao đổi về công tác kiểm tra, giám sát và báo cáo hoạt động giữa các thành viên trong Ban kiểm soát.

- Các cuộc họp của Ban kiểm soát và kết quả các cuộc họp:

Stt	Các lần họp BKS	Thành phần họp (tv)	Nội dung	Kết quả cuộc họp
1	Họp lần thứ 1, ngày 11/04/2016	3	Bầu Trưởng ban kiểm soát, phân công nhiệm vụ các thành viên trong năm 2016	Kết quả bầu cử: 1. Ông Trần Hữu Hiệp làm Trưởng BKS, chịu trách nhiệm chung 2. Ông Võ Văn Ngọc làm Thành viên, chịu trách nhiệm kiểm soát nội bộ 3. Bà Đỗ Ngọc Yến, chịu trách nhiệm kiểm soát tài chính
2	Họp lần thứ 2, ngày 16/12/2016	3	Phân công kiểm kê tài sản cuối năm 2016, kiểm tra, đánh giá công tác lập BCTC năm 2016 và thẩm định Báo cáo tài chính năm 2016	- Phân công Ông Võ Văn Ngọc phối hợp với kiểm toán Ernst & Young kiểm kê hàng hóa, tài sản cuối năm 2016 của Công ty - Phân công Ông Trần Hữu Hiệp thẩm định báo cáo tài chính công ty năm 2016

2.3. Kết quả hoạt động kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát trong năm 2016:

2.3.1. Về tình hình tài chính, kế toán của Công ty:

- Ban kiểm soát đánh giá cao việc lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam kiểm toán cho Công ty. Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu về các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam hiện hành, trong việc tổ chức công tác tài chính kế toán, thực hiện hạch toán kế toán và lập báo cáo tài chính đầy đủ hàng quý, 6 tháng, năm, đảm bảo tính chính xác, trung thực hợp pháp.

- Ban kiểm soát xác nhận số liệu tài chính được đưa ra trong báo cáo Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông là thể hiện trung thực tình hình tài chính hiện tại của Công ty. Những số liệu chính về tình hình tài chính đến ngày 31/12/2016:

Bảng 1: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm 31/12/2016:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	564.718	611.138
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	157.403	234.682
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		25.440
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	52.816	95.595
IV. Hàng tồn kho	347.607	247.623
V. Tài sản ngắn hạn khác	6.892	7.798
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	176.630	180.498
I. Các khoản phải thu dài hạn	381	371
II. Tài sản cố định	147.479	150.891
III. Tài sản dở dang dài hạn	9.248	8.387
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	10.561	10.561
V. Tài sản dài hạn khác	8.961	10.288
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	741.348	791.636
A. NỢ PHẢI TRẢ	391.434	408.393
I. Nợ ngắn hạn	382.023	401.065
II. Nợ dài hạn	9.411	7.328
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	349.914	383.242
I. Vốn cổ phần	182.000	182.000
II. Quỹ đầu tư phát triển	117.254	112.527
III. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.021	5.021
IV. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	45.639	83.694

2. Về tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty:

- Trong năm qua, ngành gạo xuất khẩu Việt Nam tiếp nối 1 năm không thuận lợi, Công ty cũng bị ảnh hưởng, mặc dù đã phấn đấu tối đa vẫn không tránh khỏi, doanh thu và sản lượng sụt giảm. Ngành Gạo xuất khẩu (chiếm tỷ trọng doanh thu và lợi nhuận lớn) không đạt mục tiêu về doanh thu và lợi nhuận. Mặc dù ngành TMDV tiếp tục thăng lợi về chỉ tiêu lợi nhuận, ngành Gạo nội địa cũng vượt chỉ tiêu doanh thu và sản lượng, nhưng không kéo nổi ngành Gạo xuất khẩu, dẫn tới kết quả kinh doanh toàn Công ty không hoàn thành mục tiêu lợi nhuận theo kế hoạch.

- Trong năm 2016, Ban kiểm soát nhận thấy không có bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Tất cả các hoạt động của Công ty đều tuân thủ đúng Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật.

- Kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty và số liệu kiểm toán đã được kiểm tra chặt chẽ, đảm bảo tính chính xác và hợp pháp trong việc ghi chép số liệu.

- Công ty đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về công bố thông tin và minh bạch trên thị trường chứng khoán.

Bảng 2: Số liệu về kết quả kinh doanh tính đến ngày 31/12/2016:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2016	31/12/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.903.254	2.114.044
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	1.330	22.417
3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.901.923	2.091.627
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	1.781.139	1.960.995
5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	120.783	130.632
6. Doanh thu hoạt động tài chính	12.395	76.349
7. Chi phí tài chính	19.807	28.422
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	15.282	21.041
8. Chi phí bán hàng	99.866	112.991
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.958	19.404
10. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh	547	46.162
11. Thu nhập khác	6.364	15.343
12. Chi phí khác	251	1.418
13. Lợi nhuận khác	6.113	13.925
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.661	60.087
15. Lợi nhuận sau thuế TNDN	6.420	47.358

2.4. Về công tác quản trị và điều hành công ty năm 2016:

2.4.1. Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ của mình, tuân thủ đúng Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán hiện hành, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật.

- Hội đồng quản trị đã có nỗ lực trong việc thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, định kỳ có báo cáo kết quả và tiến độ thực hiện.

- Các nghị quyết của Hội đồng quản trị đã được ban hành tuân thủ đúng thẩm quyền của Hội đồng quản trị, nội dung của các nghị quyết này tuân thủ đúng luật, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông

2.4.2. Ban Điều hành

- Ban kiểm soát nhận thấy rằng Ban điều hành đã có nỗ lực trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nhằm mang lại hiệu quả cho Công ty một cách tốt nhất, tuân thủ đúng các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông năm 2016.

- Đặc biệt có đẩy mạnh công tác đào tạo nghiệp vụ quản lý, chú trọng nguồn lực nhân sự, nhằm tạo nguồn và tạo động lực làm việc cho đội ngũ quản lý, đây cũng là tài sản quý giá và có giá trị lâu dài của Công ty.

c. Kết luận

- Các hoạt động của công ty đều tuân thủ pháp luật, chấp hành đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của Hội đồng quản trị, hoạt động công bố thông tin của Công ty được tiến hành đầy đủ, kịp thời và tuân thủ đúng Luật chứng khoán và các quy chế, quy định của doanh nghiệp niêm yết.

- Trong năm 2016, mặc dù Hội đồng quản trị và Ban điều hành rất nỗ lực, phấn đấu trong hoạt động sản xuất kinh doanh đã bảo toàn và phát triển vốn nhưng không hoàn thành được chỉ tiêu về doanh số và lợi nhuận của Đại hội đồng cổ đông năm 2016 giao, trong đó có phần trách nhiệm của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát thống nhất giảm 70% thù lao trong năm 2016 mặc dù Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 08/04/2016 đã thông qua mức thù lao cho năm 2016.

An Giang, ngày 04 tháng 4 năm 2017

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



TRẦN HỮU HIỆP

A blue fountain pen with a silver nib is positioned diagonally across the frame, resting on a financial chart. A magnifying glass is placed over the chart, focusing on the pen's nib. The chart features various lines and data points, with some text like 'APR', 'MAY', and 'JUN' visible. The overall scene is set against a light blue background with a subtle grid pattern.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang (“Công ty”) tiền thân là Công ty Ngoại thương An Giang, được thành lập theo Quyết định số 73/QĐ-76 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh An Giang cấp ngày 23 tháng 7 năm 1976. Công ty được chấp thuận chuyển sang hình thức công ty cổ phần theo Quyết định số 1385/QĐ-CTUB ngày 12 tháng 5 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh An Giang và chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5203000083 ngày 27 tháng 12 năm 2007, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 143/2012/SGD-HCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 9 năm 2012.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là xay xát thóc lúa; đánh bóng và xuất khẩu gạo; mua bán lương thực và thực phẩm; mua bán xe gắn máy và phụ tùng; và mua bán phân bón.

Công ty có trụ sở chính tại số 1 Đường Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Tiến	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016
Ông Cao Minh Lãm	Thành viên	bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Thanh Sử	Thành viên	
Bà Chu Thị Phương Anh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2016
Bà Đinh Thị Lan Phương	Thành viên	bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2016
Ông Cao Minh Lãm	Chủ tịch	từ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2016
Ông Huỳnh Văn Thôn	Phó Chủ tịch	từ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên	từ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Kim	Thành viên	từ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2016
Ông Trần Vũ Ngọc Tường	Thành viên	từ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2016
Ông Đoàn Minh Thư	Thành viên	từ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2016

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Hữu Hiệp	Trưởng ban	
Ông Võ Văn Ngọc	Thành viên	bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2016
Bà Đỗ Ngọc Yến	Thành viên	bổ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2016
Bà Vũ Thị Thông	Thành viên	từ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2016
Ông Bùi Việt Dũng	Thành viên	từ nhiệm ngày 8 tháng 4 năm 2016

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Đinh Thị Lan Phương	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Tiến	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2016
Ông Võ Thanh Bào	Giám đốc Điều hành	bổ nhiệm ngày 30 tháng 11 năm 2016
Ông Võ Thanh Bào	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 30 tháng 11 năm 2016

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Đinh Thị Lan Phương.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Tổng Giám đốc
Đinh Thị Lan Phương

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

Số tham chiếu: 61063740/18591488

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang
Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang (“Công ty”) được lập ngày 15 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 34, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Ernest Young Chin Kang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1891-2013-004-1

Nguyễn Thanh Sang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1541-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 20 tháng 3 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		564.718.358.907	611.137.717.711
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	157.403.326.113	234.682.100.627
111	1. Tiền		5.483.326.113	29.359.100.627
112	2. Các khoản tương đương tiền		151.920.000.000	205.323.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	25.440.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	25.440.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		52.815.736.685	95.594.609.022
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	48.160.582.106	90.263.136.828
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	3.199.354.309	4.003.291.430
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.153.479.370	1.916.456.314
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5	(697.679.100)	(588.275.550)
140	IV. Hàng tồn kho	8	347.607.458.072	247.623.041.879
141	1. Hàng tồn kho		352.489.546.044	254.184.981.450
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.882.087.972)	(6.561.939.571)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		6.891.838.037	7.797.966.183
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		933.500.394	471.152.082
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		5.114.088.224	7.326.814.101
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	16	844.249.419	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		176.629.870.631	180.497.713.713
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		381.000.000	371.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác		381.000.000	371.000.000
220	II. Tài sản cố định		147.479.041.302	150.890.756.500
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	117.715.801.223	121.075.241.421
222	Nguyên giá		253.646.487.403	237.113.647.767
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(135.930.686.180)	(116.038.406.346)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	29.763.240.079	29.815.515.079
228	Nguyên giá		29.903.801.746	29.903.801.746
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(140.561.667)	(88.286.667)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		9.248.078.953	8.386.610.896
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	9.248.078.953	8.386.610.896
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	10.561.098.000	10.561.098.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	12.1	10.451.148.000	10.451.148.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		109.950.000	109.950.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		8.960.652.376	10.288.248.317
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	7.554.977.359	8.790.367.195
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.3	1.405.675.017	1.497.881.122
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		741.348.229.538	791.635.431.424

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

ĐVT: VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		391.434.411.675	408.393.373.855
310	I. Nợ ngắn hạn		382.023.433.133	401.065.027.355
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	25.176.803.473	13.027.087.841
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	6.593.161.985	5.872.641.193
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	132.857.488	8.861.319.044
314	4. Phải trả người lao động		8.887.627.007	11.883.154.753
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1.353.179.230	1.452.411.808
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	4.116.194.565	4.004.904.814
320	7. Vay ngắn hạn	19	328.004.795.830	350.556.370.347
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	7.758.813.555	5.407.137.555
330	II. Nợ dài hạn		9.410.978.542	7.328.346.500
337	1. Phải trả dài hạn khác		120.000.000	-
338	2. Vay dài hạn	19	2.348.000.000	-
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn		6.942.978.542	7.328.346.500
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		349.913.817.863	383.242.057.569
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	349.913.817.863	383.242.057.569
411	1. Vốn cổ phần		182.000.000.000	182.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		182.000.000.000	182.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		117.254.000.000	112.527.000.000
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		5.021.000.000	5.021.000.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		45.638.817.863	83.694.057.569
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		39.219.057.569	36.336.300.986
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		6.419.760.294	47.357.756.583
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		741.348.229.538	791.635.431.424



Trần Phước Hưng
Người lập
Ngày 20 tháng 3 năm 2017



Huỳnh Thanh Tùng
Kế toán trưởng



Đinh Thị Lan Phương
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B02-DN
ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	1.903.253.692.568	2.114.043.691.483
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(1.330.922.638)	(22.417.144.360)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	1.901.922.769.930	2.091.626.547.123
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(1.781.139.367.897)	(1.960.994.833.566)
20	5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ		120.783.402.033	130.631.713.557
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	12.395.172.619	76.348.699.306
22	7. Chi phí tài chính	24	(19.807.495.277)	(28.422.386.199)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>(15.281.916.224)</i>	<i>(21.041.236.827)</i>
25	8. Chi phí bán hàng		(99.866.125.759)	(112.991.402.076)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(12.957.575.639)	(19.404.387.734)
30	10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		547.377.977	46.162.236.854
31	11. Thu nhập khác	26	6.364.020.752	15.343.083.569
32	12. Chi phí khác	26	(250.741.321)	(1.418.251.820)
40	13. Lợi nhuận khác	26	6.113.279.431	13.924.831.749
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		6.660.657.408	60.087.068.603
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(148.691.009)	(12.664.580.834)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	27.3	(92.206.105)	(64.731.186)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		6.419.760.294	47.357.756.583
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	353	2.418
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	31	353	2.418



Trần Phước Hưng
Người lập
Ngày 20 tháng 3 năm 2017



Huỳnh Thanh Tùng
Kế toán trưởng



Đinh Thị Lan Phương
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B03-DN
VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		6.660.657.408	60.087.068.603
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
02	Khấu hao và hao mòn	9, 10	20.314.554.834	17.920.704.926
03	(Hoàn nhập dự phòng) dự phòng		(1.570.448.049)	225.348.719
04	Lỗi (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	22.2, 24	1.389.335.155	(88.605.062)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(9.971.999.772)	(74.197.087.048)
06	Chi phí lãi vay	24	15.281.916.224	21.041.236.827
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		32.104.015.800	24.988.666.965
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		53.150.044.966	(70.430.111.570)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(98.304.564.594)	87.653.483.844
11	Tăng các khoản phải trả		1.436.032.953	11.511.699.980
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		773.041.524	(1.895.121.682)
14	Tiền lãi vay đã trả		(15.423.723.577)	(20.926.893.293)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(9.706.271.543)	(3.390.537.866)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.381.691.958)	(6.025.621.137)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh		(37.353.116.429)	21.485.565.241
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(17.790.218.998)	(50.255.682.781)
22	Tiền thu thanh lý tài sản cố định		119.090.909	7.159.090.908
23	Chi gửi tiền ngắn hạn ngân hàng		(3.100.000.000)	(116.817.500.000)
24	Thu tiền gửi ngắn hạn ngân hàng		28.540.000.000	111.377.500.000
26	Tiền thu thanh lý các khoản đầu tư vào công ty khác		-	212.491.685.500
27	Tiền thu lãi ngân hàng, cổ tức nhận được		10.286.112.809	7.596.692.789
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		18.054.984.720	171.551.786.416
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	Tiền vay đã nhận		1.885.812.230.506	2.116.782.439.634
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.907.392.975.023)	(2.106.191.855.682)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông	21.3	(36.400.000.000)	(9.100.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		(57.980.744.517)	1.490.583.952

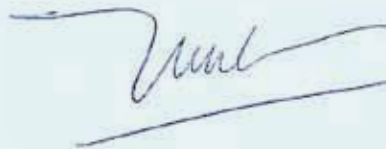
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

B03-DN
VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	(Giảm) tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(77.278.876.226)	194.527.935.609
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		234.682.100.627	40.188.094.759
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái		101.712	(33.929.741)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	157.403.326.113	234.682.100.627



Trần Phước Hưng
Người lập
Ngày 20 tháng 3 năm 2017



Huỳnh Thanh Tùng
Kế toán trưởng



Đinh Thị Lan Phương
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu An Giang (“Công ty”) tiền thân là Công ty Ngoại thương An Giang, được thành lập theo Quyết định số 73/QĐ-76 do Ủy ban Nhân dân Tỉnh An Giang cấp ngày 23 tháng 7 năm 1976. Công ty được chấp thuận chuyển sang hình thức công ty cổ phần theo Quyết định số 1385/QĐ-CTUB ngày 12 tháng 5 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh An Giang và chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 5203000083 ngày 27 tháng 12 năm 2007, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 143/2012/SGD-HCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 9 năm 2012.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là xay xát thóc lúa; đánh bóng và xuất khẩu gạo; mua bán lương thực và thực phẩm; mua bán xe gắn máy và phụ tùng; mua bán phân bón.

Công ty có trụ sở chính tại số 1 Đường Ngô Gia Tự, Phường Mỹ Long, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là: 335 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 317).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

2.3 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VNĐ.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng, các khoản trả trước cho người bán và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- * Nguyên vật liệu và hàng hóa - giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.
- * Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo tài chính.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng vô thời hạn.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 20 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 8 năm
Phương tiện vận chuyển	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm vi tính	3 - 5 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm khi phát sinh.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên doanh

Phần vốn góp của Công ty trong đơn vị liên doanh được hạch toán theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các đơn vị liên doanh sau ngày Công ty tham gia liên doanh được hạch toán vào mục thu nhập trên báo cáo hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời

điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán.
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.13 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.14 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên, và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

* Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

* Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

* Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ này được trích lập theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.16 Thuế*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và

các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải nộp hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

ĐVT: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	3.261.005.901	2.320.952.729
Tiền gửi ngân hàng	2.222.320.212	27.038.147.898
Các khoản tương đương tiền	151.920.000.000	205.323.000.000
TỔNG CỘNG	157.403.326.113	234.682.100.627

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng tiền lãi theo lãi suất dao động từ 4,3% đến 5,2% mỗi năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

ĐVT: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng khác	48.148.942.106	90.254.616.828
- DGL Commodities Inc	9.099.215.775	-
- Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn TNHH Một Thành viên	6.688.706.340	349.475.000
- San Pedro Multi Purpose Cooperative	5.274.283.950	-
- Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh	1.950.278.667	6.167.691.465
- Tổng Công ty Lương thực Miền Nam	-	63.296.378.647
- Các khách hàng khác	25.136.457.374	20.441.071.716
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 28)	11.640.000	8.520.000
TỔNG CỘNG	48.160.582.106	90.263.136.828
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(697.679.100)	(588.275.550)
GIÁ TRỊ THUẦN	47.462.903.006	89.674.861.278

Công ty đã thế chấp một phần khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay (Thuyết minh số 19).

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

ĐVT: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Honda Việt Nam	1.519.395.991	2.120.950.412
Công ty Cổ phần Cơ Khí Chế Tạo Máy Long An	642.824.000	189.409.500
Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ khí & Lương thực Thực phẩm	-	589.383.000
Các nhà cung cấp khác	1.037.134.318	1.103.548.518
TỔNG CỘNG	3.199.354.309	4.003.291.430

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

VT: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền bồi thường	908.400.000	-
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	616.688.276	1.049.892.222
Tạm ứng	500.594.094	738.767.092
Các khoản khác	127.797.000	127.797.000
TỔNG CỘNG	2.153.479.370	1.916.456.314

8. HÀNG TỒN KHO

ĐVT: VNĐ

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	188.403.449.400	(3.593.753.883)	103.352.052.697	(5.367.000.000)
Thành phẩm	150.938.400.856	(1.288.334.089)	129.633.270.407	(1.194.939.571)
Nguyên vật liệu	11.121.939.189	-	19.006.748.387	-
Công cụ, dụng cụ	2.025.756.599	-	2.192.909.959	-
TỔNG CỘNG	352.489.546.044	(4.882.087.972)	254.184.981.450	(6.561.939.571)

Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn (Thuyết minh số 19).

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

ĐVT: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(6.561.939.571)	(9.392.504.152)
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	(4.882.087.972)	(6.561.939.571)
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	6.561.939.571	9.392.504.152
Số cuối năm	(4.882.087.972)	(6.561.939.571)

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

ĐVT: VNĐ

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	108.978.918.324	108.945.629.849	13.452.251.853	5.736.847.741	237.113.647.767
Mua sắm mới	-	3.301.010.455	1.575.888.002	927.343.499	5.804.241.956
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	5.915.624.392	5.182.973.288	-	-	11.098.597.680
Thanh lý	-	-	(370.000.000)	-	(370.000.000)
Số cuối năm	114.894.542.716	117.429.613.592	14.658.139.855	6.664.191.240	253.646.487.403
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	22.429.591.276	25.126.184.601	3.738.007.144	2.005.176.401	53.298.959.422
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	(49.535.991.252)	(56.072.172.679)	(6.461.932.742)	(3.968.309.673)	(116.038.406.346)
Khấu hao trong năm	(6.486.631.385)	(11.719.132.678)	(1.290.902.920)	(765.612.851)	(20.262.279.834)
Thanh lý	-	-	370.000.000	-	370.000.000

Số cuối năm	(56.022.622.637)	(67.791.305.357)	(7.382.835.662)	(4.733.922.524)	(135.930.686.180)
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	59.442.927.072	52.873.457.170	6.990.319.111	1.768.538.068	121.075.241.421
Số cuối năm	58.871.920.079	49.638.308.235	7.275.304.193	1.930.268.716	117.715.801.223
Trong đó: Thế chấp để đảm bảo các khoản vay (Thuyết minh số 19)	1.262.822.088	-	-	-	1.262.822.088

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

ĐVT: VNĐ

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm và số cuối năm	29.642.426.746	261.375.000	29.903.801.746
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	-	(88.286.667)	(88.286.667)
Hao mòn trong năm	-	(52.275.000)	(52.275.000)
Số cuối năm	-	(140.561.667)	(140.561.667)
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	29.642.426.746	173.088.333	29.815.515.079
Số cuối năm	29.642.426.746	120.813.333	29.763.240.079

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

ĐVT: VNĐ

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Máy móc, thiết bị đang lắp đặt	3.802.402.540	6.240.746.988
Chi phí cải tạo nhà máy	5.076.510.340	-
Cửa hàng Honda	-	2.106.418.908
Các công trình khác	369.166.073	39.445.000
TỔNG CỘNG	9.248.078.953	8.386.610.896

Công ty đã thế chấp một phần máy móc, thiết bị để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn (Thuyết minh số 19.3)

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

ĐVT: VNĐ

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (Thuyết minh số 12.1)	10.451.148.000	10.451.148.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	109.950.000	109.950.000
TỔNG CỘNG	10.561.098.000	10.561.098.000

12.1 Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết

<i>Công ty nhận đầu tư</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Số cuối năm</i>			<i>Số đầu năm</i>
		<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Giá gốc VNĐ</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Giá gốc VNĐ</i>
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn An Giang	Siêu thị	25	7.500.000.000	25	7.500.000.000

Công ty Angimex - Kitoku	Xuất nhập khẩu gạo	32,96	2.951.148.000	32,96	2.951.148.000
TỔNG CỘNG			10.451.148.000		10.451.148.000

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

ĐVT: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí san lấp mặt bằng	3.547.570.132	3.638.570.127
Công cụ và dụng cụ	1.719.380.404	3.256.909.102
Khác	2.288.026.823	1.894.887.966
TỔNG CỘNG	7.554.977.359	8.790.367.195

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

ĐVT: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Honda Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	20.103.829.131	10.973.573.592
Khác	5.072.974.342	2.053.514.249
TỔNG CỘNG	25.176.803.473	13.027.087.841

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

ĐVT: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả tiền trước từ bên khác	6.593.161.985	4.734.641.193
- Everwell PTE Ltd	2.506.096.118	-
- Cebu Lite Trading Inc	863.359.750	-
- Uni Agro Native Products Inc	857.395.575	-
- Enhance International LCC	785.303.699	1.422.827.379
- Công ty TNHH Vũ Hoàn	124.273.000	1.100.000.000
- Nhà cung cấp khác	1.456.733.843	2.211.813.814
Trả tiền trước từ bên liên quan (Thuyết minh số 28)	-	1.138.000.000
TỔNG CỘNG	6.593.161.985	5.872.641.193

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

ĐVT: VNĐ

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.713.331.115	148.691.009	(8.862.022.124)	-
Thuế thu nhập cá nhân	147.987.929	813.248.897	(828.379.338)	132.857.488
TỔNG CỘNG	8.861.319.044	961.939.906	(9.690.401.462)	132.857.488
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp		844.249.419	-	844.249.419

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

ĐVT: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	729.658.333	871.465.686
Chi phí chiết khấu, vận chuyển	201.012.565	-
Các khoản khác	422.508.332	580.946.122
TỔNG CỘNG	1.353.179.230	1.452.411.808

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

ĐVT: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Phải trả từ cổ phần hóa	2.417.578.793	2.417.578.793
- Các khoản khác	1.698.615.772	1.587.326.021
TỔNG CỘNG	4.116.194.565	4.004.904.814

19. VAY

ĐVT: VNĐ

	Số phát sinh trong năm				
	Số đầu năm	Vay	Trả nợ gốc vay	Đánh giá lại	Số cuối năm
Ngắn hạn	350.556.370.347	1.883.464.230.506	(1.907.392.975.023)	1.377.170.000	328.004.795.830
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	345.750.260.000	1.874.917.203.153	(1.898.840.973.153)	1.377.170.000	323.203.660.000
Vay cá nhân (Thuyết minh số 19.2)	4.806.110.347	7.375.027.353	(8.552.001.870)	-	3.629.135.830
Vay dài hạn đến hạn trả	-	1.172.000.000	-	-	1.172.000.000
Vay dài hạn	-	3.520.000.000	-	-	3.520.000.000
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 19.3)	-	3.520.000.000	-	-	3.520.000.000
Trong đó:					
Vay dài hạn đến hạn trả	-	1.172.000.000	-	-	1.172.000.000
Vay dài hạn	-	3.520.000.000	(1.172.000.000)	-	2.348.000.000
TỔNG CỘNG	350.556.370.347	1.886.984.230.506	(1.908.564.975.023)	1.377.170.000	330.352.795.830

19.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Các khoản vay ngắn hạn được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết cụ thể như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm (VNĐ)</i>	<i>Kỳ hạn</i>	<i>Lãi suất % năm</i>	<i>Tài sản thế chấp</i>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang	157.604.660.000	Từ 3 đến 4 tháng từ ngày giải ngân	Từ 1,8 đến 5	Hàng tồn kho và các khoản phải thu
Ngân Hàng TNHH Một Thành viên HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Cần Thơ	85.519.000.000	90 ngày từ ngày giải ngân	Từ 1,8 đến 4,2	Hàng tồn kho và các khoản phải thu
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - Chi nhánh An Giang	40.000.000.000	2 tháng từ ngày giải ngân	4,8	Hàng tồn kho, tài sản cố định và các khoản phải thu
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang	40.080.000.000	Từ 1 đến 2 tháng từ ngày giải ngân	Từ 4,3 đến 4,7	Tín chấp
TỔNG CỘNG	323.203.660.000			

19.2 Vay cá nhân

Vay cá nhân thể hiện các khoản vay tín chấp từ các cán bộ công nhân viên của Công ty với thời gian hoàn trả linh hoạt và chịu lãi suất bình quân 5,04%/năm.

19.3 Vay dài hạn ngân hàng

Các khoản vay dài hạn được sử dụng để đáp ứng nhu cầu cải tạo nhà máy của Công ty. Chi tiết cụ thể như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Số cuối năm (VNĐ)</i>	<i>Kỳ hạn</i>	<i>Lãi suất % năm</i>	<i>Tài sản thế chấp</i>
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh An Giang	3.520.000.000	Từ ngày giải ngân đến ngày 14 tháng 12 năm 2019	7	Nhà xưởng và máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

ĐVT: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Vào ngày 1 tháng 1	5.407.137.555	8.235.524.692
Trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (Thuyết minh số 21.1)	3.348.000.000	800.000.000
Sử dụng quỹ	(996.324.000)	(3.628.387.137)
Vào ngày 31 tháng 12	7.758.813.555	5.407.137.555

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

ĐVT: VNĐ

	Vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (*)	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước					
Số đầu năm	182.000.000.000	112.008.000.000	4.865.000.000	46.911.300.986	345.784.300.986
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	47.357.756.583	47.357.756.583
Chia cổ tức	-	-	-	(9.100.000.000)	(9.100.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(800.000.000)	(800.000.000)
Trích lập quỹ	-	519.000.000	156.000.000	(675.000.000)	-
Số cuối năm	182.000.000.000	112.527.000.000	5.021.000.000	83.694.057.569	383.242.057.569
Năm nay					
Số đầu năm	182.000.000.000	112.527.000.000	5.021.000.000	83.694.057.569	383.242.057.569
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	6.419.760.294	6.419.760.294
Chia cổ tức (**)	-	-	-	(36.400.000.000)	(36.400.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.348.000.000)	(3.348.000.000)
Trích lập quỹ	-	4.727.000.000	-	(4.727.000.000)	-
Số đầu năm	182.000.000.000	117.254.000.000	5.021.000.000	45.638.817.863	349.913.817.863

(*) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu thể hiện quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, được trích lập nhằm dự trữ bổ sung vốn điều lệ của Công ty và được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên.

(**) Trong kỳ, Công ty đã công bố cổ tức với tổng giá trị là 36.400.000.000 VND từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty cho các cổ đông hiện hữu của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 269/NQĐHĐCĐ ngày 8 tháng 4 năm 2016

21.2 Chi tiết vốn cổ phần

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tổng số (VNĐ)	Cổ phiếu thường	Tổng số (VNĐ)	Cổ phiếu thường
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nguyễn Kim	94.371.500.000	9.437.150	91.606.500.000	9.160.650
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	51.265.500.000	5.126.550	51.265.500.000	5.126.550
Các cổ đông khác	36.363.000.000	3.636.300	39.128.000.000	3.912.800
TỔNG CỘNG	182.000.000.000	18.200.000	182.000.000.000	18.200.000

21.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

ĐVT: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần		
Vốn góp đầu năm và cuối năm	182.000.000.000	182.000.000.000
Cổ tức công bố	(36.400.000.000)	(9.100.000.000)
Cổ tức đã chi trả	(36.400.000.000)	(9.100.000.000)

21.4 Cổ phiếu

ĐVT: VNĐ

	Số lượng cổ phiếu	
Cổ phiếu được phép phát hành	18.200.000	18.200.000
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu phổ thông	18.200.000	18.200.000
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	18.200.000	18.200.000

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

ĐVT: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gộp	1.903.253.692.568	2.114.043.691.483
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng nông sản	1.419.789.004.396	1.656.114.489.858
Doanh thu bán xe gắn máy và phụ tùng	483.464.688.172	457.929.201.625
Các khoản giảm trừ	(1.330.922.638)	(22.417.144.360)
Doanh thu thuần	1.901.922.769.930	2.091.626.547.123
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng nông sản	1.418.458.081.758	1.633.697.345.498
Doanh thu bán xe gắn máy và phụ tùng	483.464.688.172	457.929.201.625

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

ĐVT: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập cổ tức	5.753.011.911	3.667.110.589
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.099.896.952	4.365.624.811
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.375.286.156	7.065.021.919
Lãi bán hàng trả chậm	119.677.600	117.434.500
Lãi do thanh lý các khoản đầu tư	-	61.041.062.425
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	88.605.062
Khác	47.300.000	3.840.000
TỔNG CỘNG	12.395.172.619	76.348.699.306

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

ĐVT: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán hàng nông sản	1.342.427.433.613	1.538.640.074.670
Giá vốn bán xe gắn máy và phụ tùng	438.711.934.284	422.354.758.896
TỔNG CỘNG	1.781.139.367.897	1.960.994.833.566

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

ĐVT: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền vay	15.281.916.224	21.041.236.827
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.136.243.898	7.349.807.507
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.389.335.155	-
Khác	-	31.341.865
TỔNG CỘNG	19.807.495.277	28.422.386.199

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

ĐVT: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	1.737.557.614.088	1.888.017.701.364
Chi phí dịch vụ mua ngoài	86.726.888.636	117.425.766.731
Chi phí nhân công	35.654.947.442	53.735.819.660
Chi phí khấu hao (Thuyết minh số 9 và 10)	20.314.554.834	17.920.704.926
Chi phí bằng tiền khác	13.709.064.295	16.290.630.695
TỔNG CỘNG	1.893.963.069.295	2.093.390.623.376

26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

ĐVT: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	6.364.020.752	15.343.083.569
Tiền phạt nhận được	1.727.528.128	76.440.000
Tiền hoa hồng	1.512.168.877	1.265.929.455
Hỗ trợ lãi suất tạm trừ gộp từ Chính phủ	682.868.633	7.544.462.000
Lãi do thanh lý tài sản cố định	119.090.909	5.154.631.088

Thu nhập khác	2.322.364.205	1.301.621.026
Chi phí khác	250.741.321	1.418.251.820
Hoàn trả lãi hỗ trợ cho Chính phủ	-	1.109.475.461
Chi phí khác	250.741.321	308.776.359
LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN	6.113.279.431	13.924.831.749

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, Công ty được hưởng ưu đãi với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế đối với hoạt động xay xát thóc lúa; đánh bóng và xuất khẩu gạo từ năm 2015.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính của Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế

27.1. Chi phí thuế TNDN:

ĐVT: VND

	Năm nay	Năm trước
Thuế TNDN hiện hành	148.691.009	12.664.580.834
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	92.206.105	64.731.186
TỔNG CỘNG	240.897.114	12.729.312.020

27.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN.

ĐVT: VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.660.657.408	60.087.068.603
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	1.332.131.482	13.219.155.093
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm)</i>		
Thu nhập cổ tức	(1.150.602.382)	(806.764.330)
Các khoản khác	59.368.014	316.921.257
Chi phí thuế TNDN	240.897.114	12.729.312.020

27.3 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận thuế tài sản TNDN hoãn lại với biến động trong năm báo cáo như sau:

ĐVT: VND

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.388.595.708	1.465.669.300	(77.073.592)	(13.958.410)
Chênh lệch tỉ giá chưa thực hiện	435.031	(17.721.012)	18.156.043	(17.484.220)
Khác	16.644.278	49.932.834	(33.288.556)	(33.288.556)

Tài sản thuế TNDN hoãn lại	1.405.675.017	1.497.881.122
(Chi phí) thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(92.206.105)	(64.731.186)

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

ĐVT: VNĐ

Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Angimex - Kitoku	Công ty liên doanh	Bán gạo	7.684.800.000	1.220.100.000
		Mua gạo	-	838.158.250
		Cho thuê kho	641.638.800	639.394.200
		Nhận chia cổ tức	1.189.059.235	1.070.250.000
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn - An Giang	Công ty liên doanh	Nhận chia cổ tức	4.563.952.676	2.543.786.158
		Bán gạo	138.225.000	-

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

ĐVT: VNĐ

Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng ngắn hạn				
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn - An Giang	Công ty liên doanh	Bán gạo	11.640.000	8.520.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty TNHH Angimex - Kitoku	Công ty liên doanh	Ứng trước tiền mua gạo	-	1.138.000.000

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

ĐVT: VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	1.942.376.382	3.006.129.56

29. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê các cửa hàng theo các hợp đồng thuê hoạt động thuộc Tỉnh An Giang. Các khoản tiền thuê trong tương lai của các khoản thuê hoạt động sau ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

ĐVT: VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	1.079.671.233	1.201.019.178
Từ 1 - 5 năm	172.931.507	842.958.904
TỔNG CỘNG	1.252.602.740	2.043.978.082

Các cam kết đầu tư lớn

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có khoản cam kết trị giá 1.785.811.981 VNĐ (31 tháng 12 năm 2015 là 1.404.279.273 VNĐ) chủ yếu liên quan đến việc mua sắm máy móc và xây dựng nhà xưởng.

30. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

- Lương thực: kinh doanh trong nước và xuất khẩu gạo, mua bán lương thực và thực phẩm; và
- Xe gắn máy: kinh doanh xe gắn máy, phụ tùng và cung cấp dịch vụ bảo trì.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	ĐVT: VNĐ		
	<i>Lương thực</i>	<i>Xe gắn máy</i>	<i>Tổng cộng</i>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016			
<i>Doanh thu</i>			
Doanh thu khách hàng bên ngoài	1.419.789.004.396	483.464.688.172	1.903.253.692.568
<i>Kết quả hoạt động kinh doanh</i>			
Kết quả của bộ phận	76.030.648.145	44.752.753.888	120.783.402.033
Chi phí không phân bổ	-	-	(112.823.701.398)
Thu nhập tài chính	-	-	12.395.172.619
Chi phí tài chính	-	-	(19.807.495.277)
Thu nhập khác	-	-	6.113.279.431
Lợi nhuận trước thuế	-	-	6.660.657.408
Thuế TNDN hiện hành	-	-	(148.691.009)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	(92.206.105)
Lợi nhuận sau thuế trong năm			6.419.760.294
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016			
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>			
Tài sản của bộ phận	431.335.006.423	101.387.204.272	532.722.210.695
Tiền và tương đương tiền	-	-	157.403.326.113
Tài sản không phân bổ	-	-	51.222.692.730
Tổng tài sản			741.348.229.538
Nợ phải trả của bộ phận	10.963.295.092	20.144.029.131	31.107.324.223
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	360.327.087.452
Tổng nợ phải trả			391.434.411.675

30. THÔNG TIN BỘ PHẬN (tiếp theo)

	ĐVT: VNĐ		
	<i>Lương thực</i>	<i>Xe gắn máy</i>	<i>Tổng cộng</i>
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015			
<i>Doanh thu</i>			
Doanh thu khách hàng bên ngoài	1.656.114.489.858	457.929.201.625	2.114.043.691.483
<i>Kết quả hoạt động kinh doanh</i>			
Kết quả của bộ phận	95.057.270.828	35.574.442.729	130.631.713.557
Chi phí không phân bổ	-	-	(132.395.789.810)
Thu nhập tài chính	-	-	76.348.699.306
Chi phí tài chính	-	-	(28.422.386.199)
Thu nhập khác	-	-	13.924.831.749
Lợi nhuận trước thuế	-	-	60.087.068.603

Thu nhập thuế TNDN hiện hành	-	-	(12.664.580.834)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	-	(64.731.186)
Lợi nhuận sau thuế trong năm			47.357.756.583
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015			
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>			
Tài sản của bộ phận	156.302.851.752	81.230.671.268	237.533.523.020
Tiền và tương đương tiền	-	-	234.682.100.627
Tài sản không phân bổ	-	-	319.419.807.777
Tổng tài sản			791.635.431.424
Nợ phải trả của bộ phận	7.431.813.348	11.018.625.502	18.450.438.850
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	389.942.935.005
Tổng nợ phải trả			408.393.373.855

31. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Bảng biểu sau đây thể hiện dữ liệu được dùng để tính lãi trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.419.760.294	47.357.756.583
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(3.348.000.000)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VNĐ)	6.419.760.294	44.009.756.583
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	18.200.000	18.200.000
Lãi cơ bản và lãi suy giảm (VNĐ) (Mệnh giá: 10.000 VNĐ/cổ phiếu)	353	2.418

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2015 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2015 để phản ánh khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2015 theo Nghị quyết số 269/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội cổ đông thường niên ngày 8 tháng 4 năm 2016.


Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2016 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2016 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm cần phải điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính.



Trần Phước Hưng
Người lập
Ngày 20 tháng 3 năm 2017



Huỳnh Thanh Tùng
Kế toán trưởng



Đinh Thị Lan Phương
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU AN GIANG

01 Ngô Gia Tự, P. Mỹ Long, TP. Long Xuyên, An Giang

Điện thoại: 84-296-3 841 548

Fax: 84-296-3 843 239

Email: rice@angimex.com.vn

Website: www.angimex.com.vn

